

HIỆP HỘI CHẾ BIẾN VÀ XUẤT KHẨU CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THỦY SẢN VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 87/2015/CV-VASEP

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 6 năm 2015

V/v *Đóng góp ý kiến Dự thảo Thông tư thay thế*
Quyết định số 23/2007/QĐ-BYT ngày
29/3/2007 của Bộ Y tế

Kính gửi: - Bộ Y tế

- Cục An toàn Thực phẩm, Bộ Y tế

Ngày 12/03/2015, Chính phủ ban hành Nghị quyết số 19/NQ-CP (NQ 19) về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu tiếp tục cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia hai năm 2015 – 2016. Theo đó, Bộ Y tế có nhiệm vụ chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan, địa phương liên quan theo chức năng, nhiệm vụ và thẩm quyền được giao sửa đổi, bổ sung Thông tư số 19/2012/TT-BYT (TT 19) về thủ tục công bố hợp quy và công bố phù hợp quy định an toàn thực phẩm (ATTP) trong trường hợp sản phẩm chỉ thay đổi về kích cỡ vật liệu bao gói và **Quyết định số 23/2007/QĐ-BYT (QĐ 23)** theo hướng quy định rõ thời gian lấy mẫu, trả kết quả trong kiểm tra chất lượng phụ gia thực phẩm nhập khẩu cho sản xuất.

Qua website của Bộ Y tế, Hiệp hội VASEP nhận được Dự thảo Thông tư (dự thảo 16) quy định việc kiểm tra nhà nước về ATTP đối với thực phẩm nhập khẩu, xuất khẩu thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Y tế (thay thế QĐ 23). Hiệp hội đã triển khai lấy ý kiến các DN hội viên, và tổng hợp một số ý kiến góp ý cho Dự thảo, cũng như những vướng mắc liên quan đến các quy định-thủ tục XNK thuộc trách nhiệm của Bộ Y tế.

Các ý kiến góp ý & kiến nghị của Hiệp hội được tổng hợp, xem xét trên các cơ sở sau:

1) NQ19: các yêu cầu về đơn giản hóa thủ tục hành chính (TTHC), hỗ trợ cho sản xuất, cải thiện môi trường kinh doanh, thủ tục quản lý chuyên ngành đối với hàng hóa, dịch vụ XNK phù hợp thông lệ quốc tế, chuyển mạnh sang hậu kiểm – để nâng cao năng lực cạnh tranh của sản phẩm, của DN và của quốc gia.

2) Thực tế các vướng mắc, bất cập và khó khăn của các DN thủy sản trong mấy năm gần đây trong việc nhập khẩu các loại **phụ gia thực phẩm, bột, nước sốt, rượu thực phẩm, vitamin...** để phối trộn, sản xuất hàng xuất khẩu theo yêu cầu của khách hàng nước ngoài. Các vướng mắc, khó khăn, theo phản ánh của các DN, tập trung ở các thủ tục công bố hợp quy, công bố phù hợp, thủ tục kiểm tra chất lượng và ATTP thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Y tế do mất quá nhiều thời gian chờ đợi thủ tục, chờ kiểm tra viên xuống lấy mẫu kiểm, chờ kết quả - nhất là ngay đối với cả hàng mẫu để làm thử cần thời gian ngắn để có thể ký kết được hợp đồng ... đã & đang làm phát sinh chi phí lưu kho bãi của DN, ảnh hưởng tới tiến độ ký hợp đồng và thời gian XK hàng. Ngoài ra, thủ tục định kỳ đăng ký lại bản công

bổ hợp quy hoặc công bố phù hợp đối với sản phẩm thực phẩm lưu thông trên thị trường cũng đang là những trở ngại lớn và làm tốn kém nhiều chi phí của DN do phải có kết quả kiểm nghiệm sản phẩm định kỳ của phòng kiểm nghiệm được chỉ định thực hiện.

3) Các văn bản kiến nghị liên quan của Hiệp hội đã gửi cho Bộ Y tế và Cục ATTP trong năm 2014 và đến nay chưa được giải quyết, tháo gỡ: công văn số **49/2014/CV-VASEP** ngày 19/3/2014 và công văn số **171/2014/CV-VASEP** ngày 17/9/2014 – báo cáo & kiến nghị tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc kể trên cho DN.

Theo các cơ sở trên và bản Dự thảo Thông tư sửa đổi QĐ 23 của Quý Bộ, Hiệp hội xin gửi kèm Công văn này hai (2) Phụ lục kèm theo. Trong đó:

- Phụ lục 1 là những nội dung kiến nghị cho những Vướng mắc/khó khăn hiện tại (bao gồm liên quan cả QĐ 23) mà các DN đang gặp phải. Các kiến nghị ở đây cũng đồng thời là những đề xuất phù hợp theo quy định hiện hành và thông lệ quốc tế. Các nội dung tại Phụ lục 1 là cơ sở cho cách tiếp cận & các quy định hướng đến ở Dự thảo sửa đổi QĐ 23.

- Phụ lục 2 là những góp ý cụ thể vào bản Dự thảo.

Hiệp hội VASEP kính đề nghị Bộ Y tế & Cục ATTP xem xét và sửa đổi kịp thời 1 số quy định tạo điều kiện thuận lợi hơn cho các DN thủy sản, giảm bớt các khó khăn, tiết giảm các chi phí không cần thiết nhằm tăng năng lực cạnh tranh theo đúng tinh thần chỉ đạo của NQ19.

Các thông tin cụ thể hơn, xin Quý Bộ vui lòng liên hệ với chị Vũ Thị Vân Anh – Thư ký – tel: 04.37715055 (ext.219), Fax: 04.37715084, email: vananh@vasep.com.vn và mobil: 0979.568.974

Trân trọng cảm ơn.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ NN&PTNT;
- Cục XNK (Bộ Công Thương);
- Dự án USAID GIG;
- Chủ tịch HH và các PCT HH;
- VPĐD HH tại Hà Nội;
- Lưu VP HH.

**TUQ. CHỦ TỊCH HIỆP HỘI CHẾ BIẾN VÀ
XUẤT KHẨU THỦY SẢN VIỆT NAM
TỔNG THƯ KÝ HIỆP HỘI**



Trương Đình Hòa

PHỤ LỤC 1

BÁO CÁO CÁC NỘI DUNG KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC & KIẾN NGHỊ VỀ THỦ TỤC CÔNG BỐ HỢP QUY, CÔNG BỐ PHÙ HỢP, KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG ATTP THUỘC THẨM QUYỀN CỦA BỘ Y TẾ

(kèm theo công văn số 87/2015/CV-VASEP ký ngày 3/6/2015 v/v Đóng góp ý kiến cho Dự thảo
Thông tư thay thế Quyết định số 23/2007/QĐ-BYT ngày 29/3/2007 của Bộ Y tế)

I) Khó khăn trong việc kiểm tra chứng nhận chất lượng, ATTP các chất hỗ trợ chế biến, phụ gia thực phẩm...

Để nâng cao giá trị XK, các DN thủy sản thường xuyên phải nghiên cứu và đổi mới sản phẩm, tìm kiếm bạn hàng, hạn chế xuất khẩu sản phẩm thô để nâng cao hàm lượng hàng giá trị gia tăng (GTGT). Theo yêu cầu của khách hàng, nhiều nguyên liệu để sản xuất hàng GTGT XK trong nước không có mà phải nhập từ nước ngoài về như: các loại phụ gia thực phẩm, bột, nước sốt, rượu thực phẩm, vitamin... để phối trộn, tẩm hàng theo yêu cầu của khách hàng nước ngoài để sản xuất các loại sản phẩm thủy sản cao cấp, ăn liền tiện sử dụng cho người tiêu dùng tại các nước NK.

Tuy nhiên, việc NK các loại sản phẩm trên gặp các khó khăn và vướng mắc về thủ tục công bố hợp quy, kiểm tra chất lượng và ATTP thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Y tế do mất quá nhiều thời gian chờ đợi thủ tục, chờ kiểm tra viên xuống lấy mẫu kiểm, đặc biệt là khó khăn đối với hàng mẫu để làm thử trong thời gian rất ngắn để có thể ký kết được hợp đồng ..., đang làm phát sinh chi phí lưu kho bãi của DN và ảnh hưởng tới tiến độ ký hợp đồng và thời gian XK hàng của DN theo tiến độ Hợp đồng đã ký.

Cụ thể, khi NK những lô hàng này, DN phải làm công văn gửi Cục ATVSTP (thuộc Bộ Y tế) để xin phép kiểm hàng. Sau khi nhận được công văn của DN, Cục ATVSTP sẽ có công văn gửi cho Viện vệ sinh y tế công cộng tại nơi DN làm thủ tục nhập khẩu (VD: Viện Vệ sinh y tế TP. HCM), sau đó Viện sẽ cử người xuống lấy mẫu kiểm tra và sau khi có kết quả kiểm tra, DN nộp cho Hải quan thì hàng hóa mới được thông quan. Nhưng khó khăn, vướng mắc ở chỗ mất nhiều thời gian chờ Cục ATVSTP để có công văn gửi Viện Vệ sinh y tế công cộng (Giấy phép), DN phải liên lạc nhiều lần và phải *chờ* xem xét có khi đến hơn 1 tuần mới có được công văn. Khi có công văn của Cục ATVSTP gửi cho Viện rồi, DN lại phải *chờ* Viện cử người đi lấy mẫu, người được cử cũng không đi ngay mà thường có các lý do để chậm trễ và DN vẫn phải *chờ*. Hậu quả, hàng NK phải nằm *chờ* ngoài cảng, không chỉ phát sinh chi phí lưu kho bãi cho DN, mà còn mất nhiều thời gian và cơ hội trong việc ký được hợp đồng hay không.

Đồng thời, DN cũng gặp khó khăn, vướng mắc không giải tỏa nhanh được những lô hàng NK khi lô hàng đó có nhiều loại sản phẩm và mỗi loại lại thuộc thẩm quyền quản lý của mỗi Bộ khác nhau (Bộ Y tế, Bộ NN và PTNT, Bộ Công Thương). Khi quy trình hoàn tất thủ tục kiểm tra chất lượng, ATTP của mỗi Bộ lại không giống nhau và kéo dài như trên thì hậu quả

HIỆP HỘI CHẾ BIẾN VÀ XUẤT KHẨU THỦY SẢN VIỆT NAM

DN gánh chịu là không nhỏ: bỏ lỡ cơ hội ký hợp đồng, vi phạm tiến độ hợp đồng và bị phạt, phát sinh chi phí lưu kho bãi và nhiều chi phí phát sinh khác.

Kiến nghị:

- Bộ Y tế quy định rõ về thời gian tiếp nhận và xử lý hồ sơ xin phép nhập khẩu đối với phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm; dụng cụ, vật liệu bao gói, chứa đựng thực phẩm trong quá trình sản xuất, chế biến, kinh doanh thực phẩm theo hướng phù hợp và hỗ trợ tối đa cho DN, đặc biệt là đơn giản hóa thủ tục đối với hàng mẫu để sản xuất thử trong thông lệ SXXX quốc tế hiện nay.
- Áp dụng công nghệ thông tin trong tiếp nhận và trả lời kết quả (vào mã hồ sơ và công khai trên hệ thống), thực hiện TTHC qua 1 cửa để tạo thuận lợi cho DN không phải đi lại nhiều lần và dễ tra cứu.

II. Khó khăn trong việc công bố hợp quy và công bố phù hợp quy định ATTP (theo quy định tại Nghị định 38/2012/NĐ-CP của Chính phủ và Thông tư số 19/2012/TT-BYT của Bộ Y tế)

Theo Nghị định 38/2012/NĐ-CP (NĐ 38) và Thông tư 19/2012/TT-BYT (TT 19) ngày 19/11/2012 của Bộ Y tế (hướng dẫn việc công bố hợp quy và công bố phù hợp quy định ATTP) thì các DN chế biến sản phẩm thực phẩm (sản phẩm chế biến đã bao gói sẵn tiêu thụ nội địa), trong đó có thực phẩm thủy sản còn phải làm các thủ tục công bố hợp quy và công bố phù hợp quy định ATTP.

Khó khăn:

1) Thủ tục công bố hợp quy và công bố phù hợp quy định ATTP rất phức tạp và tốn kém, nhất là chi phí về thủ tục xin **cấp lại Giấy Tiếp nhận bản công bố hợp quy và Giấy Xác nhận công bố phù hợp quy định ATTP** (gia hạn khi hết hạn hoặc có thay đổi về quy trình sản xuất) tăng nhiều so với chi phí **Công bố tiêu chuẩn sản phẩm thực phẩm** quy định trước đây tại Quyết định số 42/2005/QĐ-BYT ngày 8/12/2005 của Bộ Y tế (**QĐ42**).

Theo quy định tại NĐ38 và TT19 thì đối với thực phẩm đã qua chế biến bao gói sẵn, ... phải tiến hành công bố hợp quy và công bố phù hợp quy định ATTP khi lưu thông trên thị trường. Trường hợp các mặt hàng đã có chứng nhận công bố chất lượng theo **QĐ42** thì giấy chứng nhận này vẫn sử dụng đến ngày hết hạn, sau đó làm hồ sơ công bố phù hợp chứ không được gia hạn. Với quy định này, DN phải làm lại Hồ sơ rất mất thời gian và tốn kém chi phí do chi phí cho việc công bố quá cao so với cấp lại, quy định này đã làm tăng chi phí sản xuất và làm tăng giá thành sản phẩm, ảnh hưởng tới năng lực cạnh tranh của DN, đặc biệt là những DN thường xuyên nghiên cứu, đổi mới sản phẩm (làm hàng GTGT) để giúp người tiêu dùng dễ dàng sử dụng, tiện dụng và không mất nhiều thời gian để chế biến...

Theo quy định tại Điều 9, **TT19** của Bộ Y tế quy định về thủ tục cấp lại Giấy tiếp nhận bản công bố hợp quy và Giấy xác nhận công bố phù hợp như sau:

HIỆP HỘI CHẾ BIẾN VÀ XUẤT KHẨU THỦY SẢN VIỆT NAM

- **Điều 9 TT19 :** "*Việc cấp lại Giấy tiếp nhận và Giấy xác nhận được thực hiện tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền đã cấp Giấy tiếp nhận hoặc Giấy xác nhận lần đầu tiên cho sản phẩm đó và theo quy định tại Điều 8 của Nghị định số 38/2012/NĐ-CP*"

- **Điều 8 NĐ38:**

" 1. Trường hợp không có sự thay đổi về quy trình sản xuất, chế biến thực phẩm làm ảnh hưởng đến các chỉ tiêu chất lượng và vi phạm các mức giới hạn an toàn thực phẩm so với công bố, tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm phải định kỳ thực hiện đăng ký lại bản công bố hợp quy hoặc công bố phù hợp quy định an toàn thực phẩm:

a) 05 năm đối với sản phẩm của cơ sở sản xuất, kinh doanh có một trong các chứng chỉ về hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến: HACCP, ISO 22000 hoặc tương đương;

b) 03 năm đối với sản phẩm của cơ sở sản xuất, kinh doanh không có các chứng chỉ trên.

3. Hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy Tiếp nhận bản công bố hợp quy và Giấy Xác nhận công bố phù hợp quy định an toàn thực phẩm, bao gồm:

a) Đơn đề nghị cấp lại Giấy Tiếp nhận bản công bố hợp quy hoặc Giấy Xác nhận công bố phù hợp quy định an toàn thực phẩm theo mẫu được quy định tại Mẫu số 05 ban hành kèm theo Nghị định này (có xác nhận của tổ chức, cá nhân);

b) Giấy Tiếp nhận bản công bố hợp quy hoặc Giấy Xác nhận công bố phù hợp quy định an toàn thực phẩm lần gần nhất (bản sao);

c) Kết quả kiểm nghiệm sản phẩm định kỳ do phòng kiểm nghiệm được công nhận do cơ quan nhà nước có thẩm quyền chỉ định (bản sao có công chứng hoặc bản sao có xuất trình bản chính để đối chiếu):

- 1 lần/năm đối với cơ sở có một trong các chứng chỉ về hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến: GMP, HACCP, ISO 22000 và tương đương.

- 2 lần/năm đối với các cơ sở không có các chứng chỉ trên.

2) Thủ tục định kỳ thực hiện đăng ký lại bản công bố hợp quy hoặc công bố phù hợp đối với sản phẩm thực phẩm đang gây khó khăn cho các DN do phải có kết quả kiểm nghiệm sản phẩm định kỳ do phòng kiểm nghiệm được công nhận do cơ quan nhà nước có thẩm quyền chỉ định. Cụ thể:

- **Đối với sản phẩm của cơ sở sản xuất, kinh doanh có một trong các chứng chỉ về hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến: HACCP, ISO 22000 hoặc tương đương:** Phải có 5 kết quả kiểm nghiệm của phòng kiểm nghiệm được công nhận do cơ quan nhà nước có thẩm quyền chỉ định trong 5 năm trong thủ tục xin cấp lại Giấy Tiếp nhận bản công bố hợp quy và Giấy Xác nhận công bố phù hợp quy định ATTP.
- **Đối với sản phẩm của cơ sở sản xuất, kinh doanh không có các chứng chỉ trên:** Phải có 6 kết quả kiểm nghiệm của phòng kiểm nghiệm được công nhận do cơ quan nhà nước có thẩm quyền chỉ định trong 3 năm trong thủ tục xin cấp lại Giấy Tiếp nhận bản công bố hợp quy và Giấy Xác nhận công bố phù hợp quy định ATTP.

HIỆP HỘI CHẾ BIÊN VÀ XUẤT KHẨU THỦY SẢN VIỆT NAM

3) Trước đây, theo quy định tại **QĐ42** của Bộ Y tế thì Hồ sơ, thủ tục gia hạn công bố tiêu chuẩn sản phẩm không bắt buộc phải có kết quả kiểm tra định kỳ như trên. Thực tế, các chỉ tiêu kiểm giữa QĐ 42 và TT 19 giống nhau, tuy nhiên tần suất kiểm để cấp giấy chứng nhận khác nhau:

- Theo QĐ42 : hồ sơ công bố chất lượng sau khi có chứng nhận có giá trị 3 năm, sau 3 năm mới tiến hành kiểm mẫu lại để gia hạn (3 năm kiểm mẫu 1 lần).
- Theo thông tư 19: *DN không có HACCP*: kiểm mẫu định kỳ 1 năm kiểm 2 lần. Sau 3 năm kiểm 6 lần đạt mới được cấp giấy → vậy phí tăng gấp 6 lần. Còn đối với DN có HACCP thì ít hơn, tăng 5 lần.

Căn cứ theo quy định tại QĐ42 thì DN không phải thực hiện kiểm mẫu định kỳ hàng năm và như vậy sẽ giảm bớt chi phí trong việc phải lấy mẫu kiểm nghiệm cho việc công bố lại tiêu chuẩn sản phẩm vì hiện nay mọi chi phí kiểm nghiệm định kỳ đều do DN phải chi trả và theo quy định mới tại TT19 thì số tiền này rất lớn đối với những DN kinh doanh nhiều sản phẩm, đặc biệt là với DN chưa có HACCP và tiêu chuẩn tương đương, và với những DN thường xuyên đổi mới sản phẩm.

Ví dụ: - Phí công bố cho **29** mặt hàng (có HACCP) là: **57.153.000 đồng** + hàng năm phải chịu phí kiểm định kỳ 1 lần/năm tương đương với phí trên (hạn 5 năm). Nếu số mặt hàng tăng lên thì phí tăng hơn.

- Phí công bố cho **7** mặt hàng (không có HACCP): **19.454.000 đồng**. Phí kiểm định kỳ 1 năm : 2 lần x 19,454,000 đ = **38.908.000 đ x 3 năm**. Nếu số mặt hàng tăng lên thì phí tăng hơn.

Chi phí như vậy là quá lớn cho mặt hàng bán nội địa.

Thực tế, các chỉ tiêu để kiểm nghiệm định kỳ là các chỉ tiêu chất lượng chủ yếu đã công bố trong Bản thông tin chi tiết về sản phẩm hoặc trên nhãn sản phẩm đang lưu hành; một số chỉ tiêu hóa lý, vi sinh vật đã công bố trong Bản thông tin chi tiết về sản phẩm hoặc theo quy định của pháp luật.

Khi DN công bố sản phẩm là DN đã phải chịu hoàn toàn về tính phù hợp của sản phẩm đã công bố và phải tự giám sát chất lượng, ATTP đối với sản phẩm của mình và trả phí cho thủ tục này. Việc kiểm tra định kỳ là trách nhiệm của cơ quan quản lý Nhà nước nhằm đánh giá việc tuân thủ của DN có thực hiện đúng như đã công bố hay không, nếu có sai phạm thì xử lý theo quy định của pháp luật (*quy định tại Khoản 2 Điều 9 TT19*), nên chi phí cho việc lấy mẫu kiểm tra định kỳ phải do cơ quan quyết định kiểm tra chi trả (chiều theo quy định tại Điều 48 Luật ATTP).

“Điều 48. Chi phí lấy mẫu và kiểm nghiệm thực phẩm

1. Chi phí lấy mẫu và kiểm nghiệm thực phẩm để kiểm tra, thanh tra an toàn thực phẩm do cơ quan quyết định việc kiểm tra, thanh tra chi trả.

2. Căn cứ kết quả kiểm nghiệm, cơ quan ra quyết định kiểm tra, thanh tra an toàn thực phẩm kết luận tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm vi phạm quy định của

HIỆP HỘI CHẾ BIẾN VÀ XUẤT KHẨU THỦY SẢN VIỆT NAM

pháp luật về an toàn thực phẩm thì tổ chức, cá nhân đó phải hoàn trả chi phí lấy mẫu và kiểm nghiệm cho cơ quan kiểm tra, thanh tra..”

Kiến nghị:

- Trường hợp mặt hàng đã làm hồ sơ công bố chất lượng, khi hết hạn, DN chỉ cần làm hồ sơ gia hạn, Bộ Y tế cấp giấy chứng nhận công bố phù hợp, DN không cần làm hồ sơ mới.
- Chi phí cho việc lấy mẫu, kiểm nghiệm để thanh-kiểm tra định kỳ ATTP do cơ quan quản lý thực hiện chi trả.

III) Khó khăn, vướng mắc trong việc thực hiện Quy định thủ tục (Giấy phép con) đối với loại hình nhập theo hình thức sản xuất xuất khẩu (SXXK) và nhập theo loại hình kinh doanh nhưng làm nguyên liệu để SX tiếp chứ không tiêu thụ trong nước.

Ngoài phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến thì dụng cụ, vật liệu bao gói, chứa đựng thực phẩm NK cũng đang chịu tới 3 thủ tục trực thuộc quản lý của 3 bộ ngành: Bộ Y tế, Bộ Công Thương và Bộ NN&PTNT chứ không chỉ có thủ tục công bố hợp quy và công bố phù hợp quy định ATTP của Bộ Y tế.

1) Thủ tục công bố hợp quy và công bố phù hợp quy định ATTP (quy định tại Chương 2, ND 38).

Quy định công bố hợp quy hợp chuẩn này áp dụng cho cả hàng NK để SXXK, không tiêu thụ trong nước vẫn phải công bố hợp chuẩn hợp quy. Thực tế, để hoàn thành thủ tục công bố hợp quy và công bố phù hợp quy định ATTP, DN phải mất rất nhiều thời gian (thường là khoảng **1 tháng**) với nhiều loại Giấy tờ kèm theo và phát sinh chi phí lưu kho, lưu bãi, thậm chí có thể làm mất cơ hội kinh doanh của DN do DN không nhận hàng kịp nên không giao hàng nhanh theo yêu cầu khách hàng. Trong khi hàng NK này là nguyên liệu sản xuất tiếp và để XK chứ không tiêu thụ nội địa mà phải công bố hợp quy và công bố phù hợp quy định ATTP. Trước đây, DN không phải làm thủ tục này.

Tương tự, đối với hàng NK theo loại hình kinh doanh nhưng là nguyên liệu để sản xuất tiếp thì cũng phải tuân theo quy định này.

Kiến nghị: Đối với hàng NK để SXXK hoặc nhập kinh doanh nhưng làm nguyên liệu sản xuất tiếp thì không cần phải công bố hợp quy và công bố phù hợp quy định ATTP.

2) Thủ tục về kiểm tra nhà nước về ATTP nhập khẩu, xuất khẩu (quy định tại Chương 5 ND 38), trong đó có 3 bộ được phân công chịu trách nhiệm chính quản lý nhà nước về ATTP gồm Bộ Công Thương, Bộ Y tế và Bộ NN&PTNN chịu trách nhiệm quản lý nhà nước về ATTP (Chương 7, Điều 20, 21, 22 của ND 38), trong đó có chia ra những mặt hàng của từng bộ phụ trách.

Hiện nay, DN muốn được kiểm tra nhà nước về chất lượng vệ sinh ATTP khi NK thì trước hết phải hoàn thành thủ tục Quy định về công bố hợp quy hoặc công bố hợp chuẩn. Trong

HIỆP HỘI CHẾ BIẾN VÀ XUẤT KHẨU THỦY SẢN VIỆT NAM

khi, thủ tục làm công bố hợp chuẩn, hợp quy để chuẩn bị nhập hàng được thực hiện tại Hà Nội (Cục ATTP), DN ở các tỉnh phải thuê công ty dịch vụ làm, thời gian mất khoảng **1 tháng**. Cho nên trước khi NK, DN phải chuẩn bị trước hồ sơ để hoàn thành thủ tục công bố hợp chuẩn hợp quy, nếu không thì hàng về đến cảng phải chờ xong thủ tục này rồi mới được kiểm tra chất lượng nhà nước.

Sau khi DN có công bố hợp quy hoặc công bố hợp chuẩn quy định ATTP rồi DN mới đi đăng ký kiểm tra nhà nước về chất lượng vệ sinh ATTP tại khu vực gần DN (thông thường các đơn vị được Bộ Y tế chỉ định là tại TP. Hồ Chí Minh), trong khi DN ở tỉnh phải tốn nhân sự, thời gian và tiền bạc. Sau khi có được giấy đăng ký kiểm tra nhà nước về ATTP, DN về hải quan địa phương mở Tờ khai NK. Mở tờ khai xong, DN đến cảng ở TP. HCM để lấy hàng về cho hải quan giám sát, đưa hàng về kho DN bảo quản chờ kết quả kiểm tra của cơ quan chuyên ngành (trong trường hợp DN không đủ điều kiện bảo quản, DN giữ hàng ngoài cảng để cơ quan chuyên ngành ra lấy mẫu). Khi lô hàng được lấy mẫu kiểm, DN phải chờ có kết quả (7-10 ngày) thì mới được sử dụng lô hàng đó, với chi phí kiểm như sau:

- Dầu thực vật/dầu olive do Trung tâm 3 kiểm, chi phí: 1.657.000đ/lô
- Bột cà chua, tinh bột chiết xuất từ rau củ quả do Kiểm dịch thực vật kiểm, phí khoảng 230.000đ/ lô hàng
- Bao bì nhựa do Cục Nafiqad (Bộ NNPTNT) kiểm, phí khoảng 2.220.000đ/lô hàng...

Trước đây, đối với hàng NK để SXKK hoặc nhập gia công những mặt hàng này thì thuộc diện kiểm tra hồ sơ và được miễn kiểm tra nhà nước về ATTP (theo công văn hướng dẫn số 581/ATTP-ĐK ngày 23/07/2007 của Cục ATVSTP, Bộ Y tế và cũng được qui định tại tiết i, Khoản 4 Điều 1 tại Quyết định số 23/2007/QĐ-BYT ngày 29/3/2007). Nhưng từ khi NĐ 38 của Chính phủ có hiệu lực thi hành thì hàng nhập khẩu để SXKK không được miễn kiểm tra nữa. Điều này làm DN tốn chi phí, thời gian và nhân lực để hoàn thành thủ tục này mặc dù DN nhập để SXKK chứ không tiêu thụ trong nước.

Kiến nghị: Cho phép hàng NK để SXKK hoặc nhập kinh doanh nhưng làm nguyên liệu sản xuất tiếp được hưởng chế độ miễn kiểm tra nhà nước giống như Quyết định 23/2007/QĐ-BYT và công văn số 581/ATTP-ĐK của Cục VSATTP, Bộ Y tế.

3) Yêu cầu kiểm tra định kỳ sau công bố sản phẩm (quy định tại Điều 13, Chương IV, TT 19 Bộ Y tế)

Điều 13. Lấy mẫu kiểm nghiệm định kỳ

1. Chế độ kiểm nghiệm định kỳ như sau:

- a) 01 (một) lần/năm đối với sản phẩm của cơ sở có một trong các chứng chỉ về hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến: GMP, HACCP, ISO 22000 hoặc tương đương.*
- b) 02 (hai) lần/năm đối với sản phẩm của các cơ sở chưa được cấp các chứng chỉ nêu trên.*

HIỆP HỘI CHẾ BIẾN VÀ XUẤT KHẨU THỦY SẢN VIỆT NAM

2. Việc lấy mẫu kiểm nghiệm định kỳ được thực hiện bởi tổ chức, cá nhân hoặc tổ chức, cá nhân chủ động mời cơ quan có thẩm quyền thực hiện.

3. Các chỉ tiêu để kiểm nghiệm định kỳ là các chỉ tiêu chất lượng chủ yếu đã công bố trong Bản thông tin chi tiết về sản phẩm hoặc trên nhãn sản phẩm đang lưu hành; một số chỉ tiêu hóa lý, vi sinh vật đã công bố trong Bản thông tin chi tiết về sản phẩm hoặc theo quy định của pháp luật.

Hiện nay, DN tự lấy mẫu đi gửi kiểm tại các phòng kiểm nghiệm bên ngoài được công nhận chỉ định, phí DN tự trả do đó chi phí kiểm nghiệm mẫu kiểm định kỳ rất lớn, nhất là những DN có nhiều sản phẩm.

Kiến nghị: Việc lấy mẫu kiểm nghiệm định kỳ do DN tự kiểm tra có thể kiểm tại phòng kiểm nghiệm của DN cho giảm bớt chi phí, miễn sao sản phẩm vẫn đảm bảo ATVSTP đến tay người tiêu dùng và không nhất thiết phải kiểm tra tại phòng kiểm nghiệm bên ngoài được công nhận.

4) Quy định về dán nhãn sản phẩm (quy định tại Chương 6, NĐ 38 và Thông tư liên tịch 34/2014/TTLT-BYT-BNNPTNT-BCT ngày 27/10/2014)

Tại Khoản 1 Điều 5 Thông tư liên tịch số 34/2014/TTLT-BYT-BNNPTNT-BCT ngày 27/10/2014 quy định về nội dung dán nhãn sản phẩm như sau: “*Nội dung bắt buộc phải ghi nhãn: tên sản phẩm; thành phần cấu tạo; định lượng sản phẩm; ngày sản xuất; thời hạn sử dụng và hướng dẫn bảo quản; hướng dẫn sử dụng; tên và địa chỉ của tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm về sản phẩm; xuất xứ; số Giấy Tiếp nhận bản công bố hợp quy hoặc Giấy Xác nhận công bố phù hợp quy định ATTP; các khuyến cáo, cảnh báo ATTP*”.

Quy định này chỉ đúng khi DN NK phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm để tiêu thụ trong nước. Còn việc NK những mặt hàng này để phục vụ chế biến sản phẩm thủy sản XK thì không phù hợp vì lúc NK hàng về làm sao có thể có số Giấy Tiếp nhận bản công bố hợp quy hoặc Giấy Xác nhận công bố phù hợp quy định ATTP kịp thời mà yêu cầu người bán (ở nước ngoài) ghi trên nhãn. Rõ ràng, những quy định này tạo sự cản trở đáng kể đến SXKK và năng lực cạnh tranh của DN so với các đối thủ quốc tế khác.

Kiến nghị: Không bắt buộc hàng NK để SXKK hoặc nhập kinh doanh nhưng làm nguyên liệu sản xuất tiếp phải tuân theo quy định dán nhãn quy định tại Khoản 1 Điều 5 Thông tư liên tịch số 34/2014/TTLT-BYT-BNNPTNT-BCT.

-----o0o-----

PHỤ LỤC 2

GÓP Ý DỰ THẢO THÔNG TƯ

QUY ĐỊNH KIỂM TRA NHÀ NƯỚC VỀ ATTP ĐỐI VỚI THỰC PHẨM NK, XK THUỘC TRÁCH NHIỆM QUẢN LÝ CỦA BỘ Y TẾ

*(kèm theo công văn số 87/2015/CV-VASEP ký ngày 2/6/2015 v/v Đóng góp ý kiến cho Dự thảo
Thông tư thay thế Quyết định số 23/2007/QĐ-BYT ngày 29/3/2007 của Bộ Y tế)*

I) Sự bất cập và không phù hợp:

Luật An toàn Thực phẩm (ATTP) số 55/2010/QH12 của Quốc hội ngày 17/6/2010 đã có hiệu lực thi hành từ ngày 1/7/2011. Tuy nhiên, trong 4 năm qua, Bộ Y tế chưa ban hành Thông tư quy định chi tiết thi hành Luật ATTP là quá chậm và đã tạo ra một số những bất cập, khó khăn cho các DN, nhất là các DN nhập khẩu để sản xuất hàng xuất khẩu. Đó cũng là một phần nguyên nhân tạo nên những vướng mắc, khó khăn cho các DN thủy sản như đề cập tại Phụ lục 1 kèm theo công văn này.

Cho đến nay, vẫn sử dụng và thực hiện theo Quyết định số 23/2007/QĐ-BYT ngày 29/3/2007 (QĐ 23) của Bộ Y tế “Quy chế kiểm tra nhà nước về chất lượng vệ sinh an toàn đối với thực phẩm nhập khẩu” là không phù hợp. Việc sửa đổi, thay thế QĐ 23 trong bối cảnh thực hiện NQ 19 của Chính phủ càng trở nên bức thiết và cần xem xét trên các yêu cầu của NQ 19 và những vướng mắc của thực tế sản xuất – kinh doanh.

II) Khoản 1 Điều 3 của Dự thảo: quy định về điều kiện đối với SP thực phẩm nhập khẩu:

1. Được Cục An toàn thực phẩm cấp một trong các giấy tờ sau:

- a) “Giấy tiếp nhận bản công bố hợp quy”;*
- b) “Xác nhận công bố phù hợp quy định an toàn thực phẩm”;*
- c) “Công văn xác nhận danh mục nguyên liệu thực phẩm/ bao bì tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm/ phụ gia thực phẩm/chất hỗ trợ chế biến thực phẩm nhập khẩu chỉ nhằm phục vụ sản xuất trong nội bộ doanh nghiệp”;*
- d) “Công văn xác nhận danh mục sản phẩm thực phẩm nhập khẩu chỉ nhằm kinh doanh trong siêu thị, khách sạn bốn sao trở lên”.*

→ Đề nghị: Bỏ các loại giấy tờ ở Khoản 1 Điều 3 kể trên cho hình thức nhập khẩu để sản xuất xuất khẩu, nhập khẩu để gia công XK và NK để kinh doanh nhưng làm nguyên liệu để chế biến tiếp theo:

Lý do:

- Việc làm hồ sơ để được cấp các giấy tờ quy định tại Khoản 1 Điều 3 làm mất rất nhiều thời gian của DN.

HIỆP HỘI CHẾ BIẾN VÀ XUẤT KHẨU THỦY SẢN VIỆT NAM

- Đối với lô hàng nhập kinh doanh, DN đã phải làm hồ sơ công bố phù hợp hoặc công bố hợp quy trước khi lưu thông ra thị trường nên không nhất thiết phải làm hồ sơ trên trước khi nhập để tránh mất nhiều thời gian và chi phí lưu container lưu bãi (sẽ làm hồ sơ công bố sau khi nhập).
- Đối với lô hàng nhập để SXKK và nhập để gia công: DN sản xuất và XK ra nước ngoài không lưu thông trong nước nên không cần làm hồ sơ công bố phù hợp hay hồ sơ công bố hợp quy.

III) Khoản 1 Điều 4 quy định: “*Các sản phẩm thực phẩm nhập khẩu được quy định tại Khoản 1 Điều 1 của Thông tư này*” và **Khoản 4 Điều 24** quy định: “*Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, cơ quan, tổ chức, cá nhân được quy định tại khoản 2, Điều 1 của thông tư này cần phản ánh kịp thời về Bộ Y tế để xem xét, giải quyết*”.

→ **Đề nghị:** Bổ sung Khoản 1, Khoản 2 Điều 1 của DTTT.

Lý do: Điều 1 không có Khoản 1 và Khoản 2.

IV) Quy định về hình thức kiểm tra lô hàng quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 8

→ **Đề nghị** chia ra thành 3 trường hợp như sau:

- Hàng nhập để SXKK và nhập để gia công XK: Chỉ kiểm tra hồ sơ, cảm quan lô hàng, không bắt buộc lấy mẫu kiểm tra giống như cơ quan Thú y đang làm đối với hàng thủy sản.
- Hàng nhập kinh doanh: Kiểm tra hồ sơ, cảm quan, lấy mẫu kiểm tra từng lô các chỉ tiêu về chất lượng vệ sinh ATTP.
- Đối với hàng làm mẫu: Chỉ kiểm tra hồ sơ, không kiểm tra cảm quan.

Ngoài ra, Mục a, b Khoản 2 Điều 4 của Dự thảo yêu cầu đối với hàng mẫu:

a) *Yêu cầu đối với hàng mẫu quy định ở mục a, b Khoản 2 Điều 4: a) Thực phẩm là mẫu thử nghiệm hoặc nghiên cứu: số lượng nhập về phải theo đúng Đề cương thử nghiệm, Đề tài nghiên cứu đã được phê duyệt hoặc số lượng mẫu cần để thử nghiệm các chỉ tiêu chất lượng phục vụ việc công bố sản phẩm trước khi nhập khẩu.*

b) *Thực phẩm là mẫu trưng bày hội chợ, triển lãm: phải có giấy tờ xác nhận việc tham gia hội chợ, triển lãm và có số lượng đúng theo số lượng được trưng bày khi tham gia hội chợ, triển lãm.*

Quy định này gây khó khăn cho DN, đề nghị việc thể hiện là hàng mẫu do DN tự xác nhận trên hồ sơ đăng ký không áp dụng theo mục a, b Khoản 2 Điều 4.

V) Một số quy định tại Dự thảo chưa phù hợp chỉ đạo của Chính phủ tại NQ 19, cụ thể như sau:

HIỆP HỘI CHẾ BIẾN VÀ XUẤT KHẨU THỦY SẢN VIỆT NAM

V.1) Theo quy định tại Điều 11 của Dự thảo thì các phương thức kiểm tra “kiểm tra thông thường” và “kiểm tra chặt” được thực hiện bởi 2 cấp (2 nơi): Cấp kiểm tra do “tổ chức kiểm tra” thực hiện và cấp “*Thông báo kết quả xác nhận lô hàng đạt/không đạt yêu cầu nhập khẩu*” do Cục ATTP hoặc Chi cục An toàn Vệ sinh Thực phẩm thực hiện. Do 2 cấp thực hiện nên:

- Tổng thời gian hoàn thành việc “kiểm tra thông thường”: 01 ngày đăng ký + 06 ngày lấy mẫu, kiểm tra + 02 ngày cấp “*Thông báo kết quả xác nhận lô hàng đạt/không đạt yêu cầu nhập khẩu*” + 02 ngày nghỉ (thứ Bảy, Chủ nhật) = **11 ngày**.
- Tổng thời gian hoàn thành việc “kiểm tra chặt”: 01 ngày đăng ký + 08 ngày lấy mẫu, kiểm tra + 02 ngày cấp “*Thông báo kết quả xác nhận lô hàng đạt/không đạt yêu cầu nhập khẩu*” + 02 ngày nghỉ (thứ Bảy, Chủ nhật) = **13 ngày**.

→ Đề nghị:

- Không quy định 2 cấp liên quan đến việc kiểm tra, mà quy định cơ quan nào kiểm tra thì cơ quan đó cấp “*Thông báo kết quả xác nhận lô hàng đạt/không đạt yêu cầu nhập khẩu*”.
- Rút ngắn thời gian kiểm tra, cấp “*Thông báo kết quả xác nhận lô hàng đạt/không đạt yêu cầu nhập khẩu*”, đề nghị tối đa không quá 2/3 tổng thời gian quy định tại NQ 19.

Lý do:

- Với thời gian như trên, các công đoạn nối tiếp nhau liên tục, không có thời gian chờ đợi, luân chuyển hồ sơ (thời gian này chắc chắn sẽ có, nhất là đối với những trường hợp chưa thực hiện qua Cơ chế một cửa quốc gia). Hơn nữa, riêng thời gian cho kiểm tra ATTP của cơ quan Y tế đã chiếm hầu hết thời gian **NQ19** quy định cho toàn bộ quá trình thông quan năm 2015 và quá thời hạn NQ quy định cho năm 2016.
- Bộ Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn và Bộ Công Thương cũng có nhiệm vụ kiểm tra ATTP nhưng không quy định 2 cấp thực hiện, mà quy định cơ quan nào kiểm tra thì cơ quan đó cấp “*Thông báo kết quả xác nhận lô hàng đạt/không đạt yêu cầu nhập khẩu*”. Quyết định số 23/2007/QĐ-BYT ngày 29/7/2003 của Bộ Y tế cũng quy định như vậy. Nếu ban hành như DTTT thì đây là một bước lùi về thủ tục hành chính.

V.2) Về phí, lệ phí kiểm tra, thử nghiệm

Điều 14 của Dự thảo quy định: “*Thương nhân phải nộp phí, lệ phí kiểm tra, thử nghiệm theo quy định hiện hành của Bộ Tài chính cho tổ chức kiểm tra trước khi được cấp một trong các Thông báo kết quả kiểm tra*”.

→ **Đề nghị:** Quy định chi trả phí, lệ phí kiểm tra theo đúng Điều 48 Luật ATTP: Kiểm tra phục vụ quản lý nhà nước về ATTP thì cơ quan kiểm tra chi trả; còn kiểm tra theo yêu cầu của DN thì DN chi trả.

HIỆP HỘI CHẾ BIẾN VÀ XUẤT KHẨU THỦY SẢN VIỆT NAM

Lý do: Quy định tại Điều 14 không đúng với quy định tại Điều 48 Luật ATTP: “*Chi phí lấy mẫu kiểm và kiểm nghiệm thực phẩm để kiểm tra, thanh tra ATTP do cơ quan quyết định việc kiểm tra, thanh tra chi trả*”; tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm chỉ phải hoàn trả các chi phí này trong trường hợp cơ quan ra quyết định kiểm tra kết luận tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm vi phạm quy định của pháp luật về ATTP.

V.3) Dự thảo chưa quy định rõ việc đăng ký, xác nhận đăng ký, nộp hồ sơ, phân công kiểm tra, chuyển kết quả kiểm tra, trả kết quả qua hệ thống thông quan một cửa quốc gia.

→ **Đề nghị:** Quy định rõ việc đăng ký, xác nhận đăng ký, nộp hồ sơ, phân công kiểm tra, chuyển kết quả kiểm tra, trả kết quả qua hệ thống thông quan một cửa quốc gia – bao gồm từ yêu cầu hồ sơ, thời gian thực hiện .v.v.v

Lý do: Với cách viết như Dự thảo, sẽ không rõ & không thể thực hiện đối với người nhập khẩu thực phẩm mà cả với tổ chức kiểm tra, Cục/Chi cục ATTP.

V.4) Nhiều nội dung trong Dự thảo không rõ, không dứt khoát, dễ gây áp dụng tùy tiện, gây khó khăn cho DN như:

- Khoản 2 Điều 4 quy định điều kiện được miễn kiểm tra nhưng không quy định rõ hải quan hay cơ quan nào khác là người kiểm tra các điều kiện này. DN có phải nộp hay xuất trình các tài liệu, chứng từ đó không?
- Khoản 1 Điều 6 quy định “*lấy đủ mẫu*”, Khoản 1 Điều 7 quy định “*lấy mẫu đủ*” nhưng không quy định rõ thế nào là “**đủ**”.
- Khoản 1d (không có khoản 2) Điều 10 quy định: “*Các giấy tờ cần thiết liên quan để được áp dụng phương thức kiểm tra giảm (nếu có)*” nhưng không nói cụ thể là những giấy tờ gì? Quy định ở văn bản nào?

V.5) Dự thảo Thông tư vẫn căn cứ theo Nghị định 38/2012/NĐ-CP của Chính phủ và Thông tư liên tịch số 13/2014/TTLT/BYT-BNNPTNT-BCT nên tất cả nguyên phụ liệu NK để SX hàng XK ngành chế biến thủy sản nói riêng và ngành chế biến thực phẩm nói chung đều thuộc đối tượng phải kiểm tra nhà nước về ATTP

→ **Đề nghị:** Xem xét, sửa đổi Dự thảo theo hướng phân định rõ thủ tục và quy trình kiểm tra cho hàng NK để SX và gia công XK cũng như với hàng NK để kinh doanh. Đồng thời, xem xét cho phép hàng NK để SX hoặc nhập kinh doanh nhưng làm nguyên liệu sản xuất tiếp được hưởng chế độ miễn kiểm tra nhà nước.

-----o0o-----